

Bản án số: **31/2026/DS-ST**

Ngày: 20/3/2026.

V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

Và tranh chấp nợ hui".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử Sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Ông Trương Thanh Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Minh Trung.

2. Ông Phạm Văn Tài.

Thư ký phiên Tòa: Ông Lê Quốc Từng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang.

Ngày 20 tháng 3 năm 2026, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Khu vực 4 tỉnh, An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 220/2025/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2025 về việc: "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và tranh chấp nợ hui" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST - DS, ngày 04 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Đỗ Thị Bích L**, sinh năm 1986 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp S, xã M, tỉnh An Giang.

Đại diện heo ủy quyền của bà Đỗ Thị Bích L là Công ty L1 và Cộng sự. Đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1982 – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền Công ty L1 và Cộng sự: Ông **Trương Đặng Quang M**, sinh năm 2002 (Có mặt).

Địa chỉ: Tầng trệt, D Đ, phường T, thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: 1. Ông **Trần Văn Đ**, sinh năm 1986

2. Bà **Võ Thị B**, sinh năm 1987

Địa chỉ: ấp S, xã M, tỉnh An Giang.

Ông Trần Văn Đ, bà Võ Thị B ủy quyền cho ông **Huỳnh Văn S**, sinh năm 1990 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp S, xã H, tỉnh An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trương Đăng Quang M trình bày: Do có mối quan hệ quen biết bà Đỗ Thị Bích L có cho vợ chồng ông Trần Văn Đ, bà Võ Thị B vay tiền nhiều lần, cụ thể:

- Ngày 12 tháng 4 năm 2023, bà L cho ông Đ, bà B vay số tiền là 100.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm triệu đồng), lãi suất hai bên thỏa thuận và có làm biên nhận nợ.

- Tiếp đến ngày ngày 05 tháng 07 năm 2023, bà L tiếp tục cho vợ chồng ông Đ, bà B vay 100.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm triệu đồng) theo Biên nhận, có chữ ký xác nhận của ông Đ là người đại diện ký vay nợ.

- Ngày 05 tháng 01 năm 2024, bà L tiếp tục cho vợ chồng ông Đ, bà B vay 40.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi triệu đồng), có chữ ký xác nhận của ông Đ là người đại diện ký vay nợ.

- Tiếp tục vào ngày 13 tháng 3 năm 2023 vợ chồng ông Đ, bà B tiếp tục vay thêm của bà L số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng. Các bên có ký kết Giấy thế chấp đất gắn liền với nhà ở, thỏa thuận lãi suất 3% /tháng. Đến nay vợ chồng ông Đ bà B vẫn chưa trả số tiền này cho bà L.

Như vậy tổng cộng các khoản vay vợ chồng ông Đ, bà B đến nay còn thiếu nợ bà L số tiền là 440.000.000 đồng. Đến ngày 09 tháng 01 năm 2026 tại Tòa án phía vợ chồng ông Đ, bà B đã trả cho bà L được số tiền 50.000.000 đồng. Như vậy sau khi đối trừ phía vợ chồng ông Đ bà B còn thiếu bà L tiền vay là 390.000.000 đồng.

Ngoài ra vào năm 2023 bà L là chủ hội, phía vợ chồng ông Đ, bà B có tham gia nhiều dây hội do bà L làm chủ, các dây hội này phía vợ chồng ông Đ, bà B đều đã hốt nhưng không đóng lại hội chết cho bà L với số tiền hiện nay còn thiếu bà L là 156.000.000 đồng.

- Tại phiên tòa hôm nay ông Trương Đăng Quang M yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà B phải trả cho bà L số tiền vay, tiền hội và tiền lãi của các khoản vay cụ thể:

Số tiền gốc 240.000.000 đồng lãi tính từ ngày 28 tháng 10 năm 2025 đến ngày 30 tháng 3 năm 2026 là 04 tháng 20 ngày. Lãi suất yêu cầu 10%/năm (0,8%/tháng) thành tiền là 8.960.000 đồng (240.000.000 đồng x 0,8%/tháng x 04 tháng 20 ngày).

Số tiền gốc 200.000.000 đồng vay ngày 13 tháng 3 năm 2023 đến ngày 09 tháng 01 năm 2026 là 33 tháng 26 ngày với lãi suất yêu cầu 20%/năm (1,66%/tháng) thành tiền là 112.437.000 đồng (200.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 33 tháng 26 ngày).

Số tiền gốc 200.000.000 đồng bị đơn đã trả 50.000.000 đồng vào ngày 09 tháng 01 năm 2026 lãi yêu cầu tính trên số tiền gốc sau khi đã đối trừ còn lại 150.000.000 đồng, tính lãi từ ngày 10 tháng 01 năm 2026 đến ngày 20 tháng 3 năm 2026 là 02 tháng 10 ngày với lãi suất yêu cầu 1,66%/tháng thành tiền là 5.810.000 đồng (150.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 2 tháng 10 ngày).

Như vậy tổng cộng các khoản ông Trương Đăng Quang M yêu cầu vợ chồng ông Trần Văn Đ, bà Võ Thị B phải trả cho bà Đỗ Thị Bích L các khoản vay gốc, lãi và tiền hui là 673.207.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi ba triệu hai trăm lẻ bảy nghìn đồng). Ngoài ra ông Trương Đăng Quang M không trình bày gì thêm.

Bị đơn: Đại diện theo ủy quyền ông Huỳnh Văn S trình bày: Ông Huỳnh Văn S thừa nhận lời trình bày của ông Trương Đăng Quang M là đúng, ông S thừa nhận hiện nay vợ chồng ông Đ bà B còn thiếu nợ của bà L số tiền vay là 390.000.000 đồng và tiền hui là 156.000.000 đồng. Tổng cộng hiện nay còn thiếu 546.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà L số tiền 546.000.000 đồng. Nhưng hiện nay do hoàn cảnh gia đình đang khó khăn nên xin trả dần, mỗi tháng ông Đ bà B trả 3.000.000 đồng, trả đến khi nào hết nợ thì thôi. Còn khoản tiền lãi thì xin phía bà L đứng tính. Ngoài ra ông Huỳnh Văn S không trình bày gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Đỗ Thị Bích L khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn Đ, bà Võ Thị B trả số tiền vay và nợ hui còn thiếu là 546.000.000 đồng. Bị đơn ông Trần Văn Đ, bà Võ Thị B có nơi cư trú tại ấp S, xã M, tỉnh An Giang. Vì vậy, đây là vụ án “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và tranh chấp nợ hui” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự.

[3]. Nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Bích L yêu cầu ông Trần Văn Đ, bà Võ Thị B trả số tiền vay và tiền hui còn thiếu là 546.000.000

đồng. Hội đồng xét xử thấy qua biên bản hoà giải tại tòa án ngày 09 tháng 2 năm 2026 và tại phiên tòa hôm nay ông Huỳnh Văn S là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thừa nhận còn thiếu Đỗ Thị Bích L số tiền vay và tiền nợ hui 546.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà Đỗ Thị Bích L số tiền 546.000.000 đồng, nhưng hiện tại hoàn cảnh khó khăn chưa có khả năng trả và xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng. Căn cứ Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự các đương sự ông Đ, bà B đã thừa nhận số tiền bà L yêu cầu khởi kiện, không có tranh chấp vì vậy đây là tình tiết không phải chứng minh. Như vậy ông Trần Văn Đ, bà Võ Thị B phải có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thị Bích L số tiền vay và tiền hui gốc là 546.000.000 đồng.

[3]. Xét yêu cầu tính lãi của bà Đỗ Thị Bích L yêu cầu vợ chồng ông Trần Văn Đ, bà Võ Thị B phải trả các khoản tiền lãi của các khoản vay, cụ thể:

Số tiền gốc 240.000.000 đồng lãi tính từ ngày 28 tháng 10 năm 2025 đến ngày 30 tháng 3 năm 2026 là 04 tháng 20 ngày. Lãi suất yêu cầu 10%/năm (0,8%/tháng) thành tiền là 8.960.000 đồng ($240.000.000 \text{ đồng} \times 0,8\%/\text{tháng} \times 04 \text{ tháng } 20 \text{ ngày}$).

Số tiền gốc 200.000.000 đồng vay ngày 13 tháng 3 năm 2023 đến ngày 09 tháng 01 năm 2026 là 33 tháng 26 ngày với lãi suất yêu cầu 20%/năm (1,66% tháng) thành tiền là 112.437.000 đồng ($200.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 33 \text{ tháng } 26 \text{ ngày}$).

Số tiền gốc 200.000.000 đồng bị đơn đã trả 50.000.000 đồng vào ngày 09 tháng 01 năm 2026 lãi yêu cầu tính trên số tiền gốc sau khi đã trừ còn lại 150.000.000 đồng, tính lãi từ ngày 10 tháng 01 năm 2026 đến ngày 20 tháng 3 năm 2026 là 02 tháng 10 ngày với lãi suất yêu cầu 1,66%/tháng thành tiền là 5.810.000 đồng ($150.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 2 \text{ tháng } 10 \text{ ngày}$).

Như vậy tổng cộng các khoản lãi tính đến ngày 20 tháng 3 năm 2026 là 127.207.000 đồng. Là hoàn toàn có căn cứ vì theo lời thừa nhận của phía ông Đ, bà B thừa nhận các khoản vay này là các bên có thỏa thuận về lãi suất, thời điểm chưa đóng lãi đến nay cũng được phía bị đơn thừa nhận và việc phía bà L yêu cầu tính mức tiền lãi đối với các khoản vay là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Đỗ Thị Bích L buộc vợ chồng ông Đ, bà B phải trả lãi của các khoản vay với số tiền lãi là 127.207.000 đồng

[3]. Xét yêu cầu xin trả dần của ông Trần Văn Đ, bà Võ Thị B xin trả dần cho bà Đỗ Thị Bích L, nhưng phía bà L không đồng ý. Xét thấy yêu cầu xin trả dần này không thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này.

[4] Xét tờ giấy thế chấp đất gắn liền với nhà ở. Hội đồng xét xử thấy rằng tại tòa nguyên đơn và bị đơn đều yêu cầu tòa án Hủy bỏ tờ giấy này với lý phần nhà và đất này chưa có được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thuộc phần đất lưu không nhà nước quản lý hơn nữa sau khi thế chấp đến nay bị đơn vẫn là người quản lý sử dụng. Do đó việc thế chấp quyền sử dụng đất này vi phạm cả về hình thức và nội dung của Hợp đồng thế chấp nên hủy bỏ tờ giấy thế chấp đất gắn liền với nhà ở ghi ngày 13/3/2023 giữa bà Đỗ Thị Bích L với vợ chồng ông Trần Văn Đ, bà Võ Thị B.

[]. Về án phí dân sự Sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc ông Trần Văn Đ, bà Võ Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật. Nguyên đơn bà Đỗ Thị Bích L được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 92; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 468 và Điều 471 Bộ luật dân sự và Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số: 316/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Bích L về việc đòi tiền vay và tiền hụi của ông Trần Văn Đ và bà Võ Thị B.

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Văn Đ, bà Võ Thị B trả cho bà Đỗ Thị Bích L số tiền vay gốc còn thiếu là 390.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi chín triệu đồng) và tiền nợ hụi là 156.000.000 đồng (Một trăm lăm mươi sáu triệu).

- Buộc vợ chồng ông Trần Văn Đ, bà Võ Thị B phải trả lãi của các khoản vay với số tiền 127.207.000 đồng (Một trăm hai mươi bảy triệu hai trăm lẻ bảy nghìn đồng).

Như vậy tổng cộng các khoản buộc vợ chồng ông Trần Văn Đ, bà Võ Thị B phải liên đới trả cho bà Đỗ Thị Bích L toàn bộ khoản tiền vay, tiền hụi và tiền lãi là 673.207.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi ba triệu hai trăm lẻ bảy nghìn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền chưa thi hành án hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự

2. Về án phí dân sự Sơ thẩm: Buộc ông Trần Văn Đ, bà Võ Thị B phải liên đới chịu án phí có giá ngạch là 30.939.000 đồng (Ba mươi triệu chín trăm ba mươi chín nghìn đồng).

- Bà Đỗ Thị Bích L không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho bà Đỗ Thị Bích L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.900.000 đồng theo biên lai thu số 0007248 ngày 03 tháng 11 năm 2025 và số tiền 7.959.000 đồng, theo biên lai thu số 0009335 ngày 19 tháng 11 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang
- VKSND Khu vực 4 – An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thanh Toàn